

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ MỸ HÀO
TỈNH HƯNG YÊN**

Bản án số: 40/2022/HS-ST

Ngày: 01/7/2022

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ MỸ HÀO, TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/Ông: Phan Xuân Hùng.

2/Ông: Trần Xuân Sơn.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Mạnh Hùng- Thư ký TAND thị xã Mỹ Hào,

Đại diện VKSND thị xã tham gia phiên tòa: Bà Đặng Hiền Dung - KSV.

Ngày 01 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở, TAND thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2022/TLST-HS ngày 01/6/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXXST-HS ngày 08/6/2022 đối với bị cáo:

***Ph Th L-** sinh năm 1980 Giới tính: Nữ

Nơi cư trú: Thôn V Q, xã H L, thị xã M H, tỉnh H Y.

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Kinh doanh Chức vụ: Không Trình độ học vấn: 07/12

Họ, tên bố: PH V K(đã chết).

Họ, tên mẹ: Tr Th M, sinh năm 1955.

Họ tên chồng: Ng V V, sinh năm 1976.

Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2001.

Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/3/2022 đến ngày 23/3/2022 được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương, có mặt tại phiên tòa.

***Người bị hại:**

Ông: Ng V Nh, sinh năm, 1932.

Nơi cư trú: Thôn V Q, xã H L, thị xã M H, tỉnh H Y.

Vắng mặt tại phiên tòa.

***Người có quyền và lợi ích liên quan.**

Anh: Ng V V, sinh năm 1976. Có mặt tại phiên tòa.

Nơi cư trú: Thôn V Q, xã H L, thị xã M H, tỉnh H Y.

***Những người làm chứng:**

1/Chị: Ng Th H, sinh năm 2001.

2/Bà: Ng Th B, sinh năm 1972.

3/Ông: Ng V V1, sinh năm 1973.

Đều trú tại: Thôn V Q, xã H L, thị xã M H, tỉnh H Y.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ph Th L, sinh năm 1980, HKTT: thôn V Q, xã H L, thị xã M H, tỉnh H Y, là đối tượng chưa có tiền án, tiền sự.

Khoảng 07 giờ ngày 20/3/2022, L hái rau tại vườn nhà anh H V V1, sinh năm 1973 ở cùng thôn thì thấy ông Ng V Nh, sinh năm 1932 là hàng xóm của L đi chơi. Thấy nhà ông Nh không có ai ở nhà nên L nảy sinh ý định trộm cắp tài sản.

L một mình đi đến đoạn tường tiếp giáp giữa nhà anh V và ông Nh rồi trèo qua tường sang nhà ông Nh. Thấy cửa nhà không khóa nên L lên vào trong nhà lục tìm tài sản, thấy tại đầu giường của ông Nh có một túi vải nhỏ, tối màu. L mở ra kiểm tra thấy bên trong có 417.000 đồng và 01 chùm chìa khóa. L cất số tiền trên vào trong túi quần phía trước bên phải của mình rồi cầm chùm chìa khóa mở hòm tôn ở gần đầu giường. Bên trong hòm tôn có 01 túi nilon nhỏ bên trong có 9.500.000 đồng. L cầm toàn bộ số tiền trên cất vào túi quần phía trước bên phải rồi khóa hòm tôn lại và cất chùm chìa khóa vào túi vải tối màu để ở đầu giường tại vị trí cũ. Lúc này, thấy ông Nh đi từ sân vào nhà nên L trốn vào trong buồng. Sau đó, lợi dụng lúc ông Nh không để ý L chạy từ buồng ra sân rồi trèo tường sang nhà anh V và đi về nhà. L cất toàn bộ số tiền trộm cắp được vào trong 01 ví giả da màu nâu. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, L đi ra cửa hàng Spa của L gần UBND xã H L để làm việc. Khi đến đoạn đường Ph Ng L, đối diện cây xăng M Ph thuộc thôn Ph S, xã H L, L bỏ số tiền vừa trộm cắp được ra đếm và vứt chiếc túi nilon cùng 01 phong bì đựng tiền ở rìa đường.

Cùng ngày, ông Ng V Nh có đơn trình báo sự việc.

Ngày sau khi sự việc xảy ra, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thị xã M H đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, tiến hành thu thập 01 file video từ camera an ninh trước cửa nhà chị Ng Th N, sinh năm 1993 ở thôn V Q, xã H L, thị xã M H.

Ngày 20/3/2022, Ph Th L đã đến Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thị xã M H đầu thú và giao nộp 01 ví giả da màu nâu bên trong có 01 căn cước công dân mang tên Ph Th L cùng với số tiền 15.350.000đồng.

Cơ quan điều tra đã khám xét chỗ ở của Ph Th L thu giữ: 01 áo phong cộc tay phía trên màu nâu, phía dưới màu trắng, trên có chữ LV; 01 chiếc quần màu nâu, sọc trắng, trên quần có chữ LV. L khai nhận bộ quần áo trên là do L mặc khi đi trộm cắp tiền nhà ông Nh.

Tại bản kết luận giám định số: 57/KL-KTHS (KTS) ngày 20/4/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh H Y kết luận: Nội dung hình ảnh trong 01 file video trong 01 USB nhãn hiệu Kingston, loại 4GB màu bạc niêm phong trong phong bì ký hiệu M1 không phát hiện dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong 01 file video gửi giám định.

Quá trình điều tra bị can Ph Th L thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đối với 01 chiếc túi nilon và 01 phong bì đựng tiền, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu giữ được.

Đối với số tiền 9.917.000đồng L trộm cắp của ông Nh, L đã tiêu sài cá nhân hết 417.000đồng, ngày 22/3/2022 L đã tự nguyện nhờ anh Ng V V (là chồng của L) bồi thường cho ông Nh số tiền 417.000đồng nói trên. Số tiền còn lại 9.500.000đồng, L đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra.

Đối với số tiền 15.350.000đồng L nộp cho Cơ quan điều tra, trong đó có 9.500.000đồng là tiền L trộm cắp của ông Nh còn 5.850.000đồng là tiền của L không liên quan đến việc phạm tội. Ngày 23/3/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thị xã M H đã trả lại số tiền 9.500.000đồng cho ông Nh. Ông Nh nhận lại số tiền trên và không có yêu cầu L phải bồi thường gì thêm. Đối với số tiền 5.850.000đồng là tiền của L không liên quan đến hành vi phạm tội và 01 căn cước công dân mang tên Ph Th L, L đề nghị được nhận lại. Đối với 01 ví giả da màu nâu và 01 áo phong cộc tay phía trên màu nâu trắng, 01 chiếc quần màu nâu, sọc trắng L dùng để cất giấu số tiền trộm cắp L đề nghị không nhận lại.

Cáo trạng số: 35/CT-VKSMH ngày 31/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã M H đã truy tố Ph Th L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Ngày 22/6/2022, Tòa án nhân dân thị xã M H mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án, tại phiên tòa bị cáo có đơn xin hoãn phiên tòa vì lý do sức khỏe. Do vậy, Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa và ấn định phiên tòa mở lại vào hồi 08 giờ ngày 01/7/2022.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M H vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX:

Tuyên bố: Bị cáo Ph Th L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm b,h,i,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Khoản 1, 2, 5 điều 65 Bộ luật hình sự. Khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số: 326 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Ph Th L từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm, thời hạn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 01/7/2022.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo

Về vật chứng: Áp dụng điểm a,b khoản điều 46, điểm a khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a,c khoản 2, điểm a khoản 3 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại bị cáo số tiền 5.850.000đồng và 01 căn cước công dân mang tên Ph Th L.

Tiêu hủy 01 chiếc ví giả da màu nâu; 01 áo phong cộc tay màu nâu, trắng; 01 chiếc quần màu nâu, sọc trắng.

Về án phí : Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật

Tại phiên tòa, bị cáo Ph Th L không tranh luận, nhất trí với nội dung bản luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M H; Bị cáo đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất, cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1/ *Về tố tụng*: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra- Công an thị xã M H và điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã M H và kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

2/ *Về nội dung vụ án*: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai nhận về toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; lời khai của người bị hại; người có quyền và lợi ích liên quan và những người làm chứng; Biên bản khám nghiệm hiện

trường vụ án; Kết luận giám định cùng các vật chứng mà cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ. Như vậy có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 07 giờ ngày 20/3/2022, L sang nhà anh H V V1 ở cùng thôn hái rau thì thấy ông Ng V Nh là hàng xóm của anh V đi chơi không có ai ở nhà nên bị cáo đã lẻn vào nhà ông Nh trộm cắp số tiền 9.917.000 đồng của ông Nh tiêu sài cá nhân. Hành vi phạm tội của bị cáo được quy định tại khoản 1 điều 173 BLHS. Viện kiểm sát nhân dân Thị xã M H truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng pháp luật. Bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, pháp luật nghiêm cấm nhưng do lười lao động. Để có tiền tiêu sài cá nhân bị cáo đã lợi dụng chủ nhà đi vắng, tài sản không được quản lý, trông coi cẩn thận đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây hoang lo lắng trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, hành vi này phải được xử lý với hình phạt tương xứng để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

3/Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS và hướng xử lý đối với bị cáo:.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo ăn năn hối hận và thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản bị cáo trộm cắp đã thu hồi được trả lại cho chủ sở hữu. Sau khi sự việc xảy ra bị cáo đã tự nguyện cùng người thân bồi thường toàn bộ số tiền mà bị cáo đã trộm cắp cho người bị hại, người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo, hành vi phạm tội của bị cáo gây thiệt hại không lớn nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại các điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Sau khi sự việc bị bại lộ bị cáo đã đến Cơ quan điều tra đầu thú và khai rõ hành vi phạm tội của mình, người bị hại sau khi nhận lại tài sản đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng quy định tại khoản 2 điều 51 BLHS.

Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, quá trình sinh sống tại địa phương bản thân bị cáo và gia đình chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà Nước cũng như mọi quy định do địa phương đề ra. Vì vậy, khi cân nhắc hình phạt đối với bị cáo, hội đồng xét xử nhận thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mà cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng có tác dụng, cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

4/ *Về hình phạt bổ sung*: Bị cáo không có công việc ổn định, không có thu nhập ổn định. Vì vậy HĐXX xét thấy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

5/ *Về trách nhiệm dân sự*: Người bị hại đã nhận lại đủ tiền và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đặt ra giải quyết

6/ *Về vật chứng*: Đối với số tiền 5.850.000đồng và 01 căn cước công dân mang tên Ph Th L. Đây là tài sản của cá nhân bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội, bị cáo có đề nghị xin nhận lại nên cần trả lại cho bị cáo để sử dụng.

Đối với 01 chiếc áo phong cộc tay màu nâu, trắng; 01 quần màu nâu, sọc trắng; 01 ví giả da màu nâu là tài sản bị cáo mặc khi trộm cắp tài sản và dùng đựng tiền. Bị cáo không có đề nghị nhận lại, không có giá trị sử dụng cần tiêu hủy.

7/*Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173, điểm b,h,i,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Khoản 1,2,5 điều 65 Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Ph Th L phạm tội “***Trộm cắp tài sản***”

2. Xử phạt: Bị cáo Ph Th L 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 01 tháng 7 năm 2022.

Giao bị cáo cho UBND xã H L, thị xã M H quản lý, giám sát trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Xử lý vi phạm đối với người được hưởng án treo: Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo đã bị kiểm điểm theo qui định tại điều 91 của Luật thi hành án hình sự nhưng sau khi kiểm điểm vẫn tiếp tục vi phạm và đã được nhắc nhở bằng văn bản mà vẫn cố ý vi phạm thì Công an cấp xã, phường, thị trấn đề xuất UBND cấp xã, phường, thị trấn báo cáo, đề nghị cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, thị xã, thành phố tiến hành trình tự, thủ tục đề nghị Tòa án có thẩm quyền quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì thực hiện theo qui định tại khoản 3 điều 92 Luật thi hành án hình sự số: 41/2019/QH14 ngày 14/6/2019 có hiệu lực từ ngày 01/01/2020.

3. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

4. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

5. Về vật chứng: Áp dụng điểm a,b khoản điều 46, điểm a khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a,c khoản 2, điểm a khoản 3 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại bị cáo số tiền 5.850.000đồng và 01 căn cước công dân mang tên Ph Th L.

Tiêu hủy 01 chiếc áo phong cộc tay màu nâu, trắng; 01 quần màu nâu, sọc trắng; 01 ví giả da màu nâu.

(Đặc điểm theo ủy nhiệm chi và biên bản giao, nhận vật chứng)

6. Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí sơ thẩm hình sự.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền và lợi ích liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh
- VKS + CA + Chi cục THADS thị xã.
- Những người tham gia tố tụng
- Phòng nghiệp vụ CA + Sở tư pháp tỉnh
- Lưu

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Lâm